

BỘ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH & XÃ HỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ NGHỆ DUNG QUẤT**
Số: 228/QĐ-CDQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung miễn giảm học phí
cho học sinh – sinh viên học kỳ II năm học 2015-2016
và học kỳ I năm học 2016-2017**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ DUNG QUẤT

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ- LĐTBXH ngày 03/07/2009 của Bộ Trưởng Bộ lao động- Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ- LĐTBXH ngày 01/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề KTCN Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ- LĐTBXH ngày 09/03/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ Dung Quất thành Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của các Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung miễn giảm học phí học kỳ II năm học 2015-2016 và học kỳ I năm học 2016-2017 cho học sinh, sinh viên khóa XIII, XIV, XV đang học tại Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất có tên sau (có danh sách kèm theo). Với tổng số tiền là: **16.207.500** đồng (Mười sáu triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó:

Học kỳ II năm học 2015-2016: 4.640.000 đồng.

Học kỳ I năm học 2016-2017: 11.567.500 đồng.

Điều 2. Học sinh – Sinh viên có tên ở Điều 1 được hưởng các chế độ miễn, giảm tiền học phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng, Phòng – Khoa, các bộ phận liên quan, những học sinh - sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

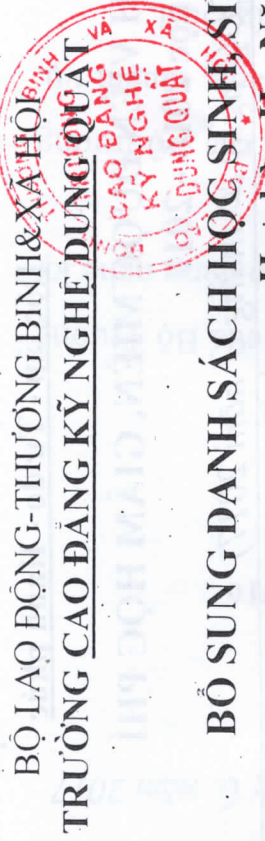
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hồng Cây

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BỔ SUNG DANH SÁCH HỌC SINH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ: II - Năm học 2015 - 2016

(Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-CDQ ngày 20 tháng 6 năm 2017)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức thu học phí/kỳ	Mức miễn, giảm học phí	Kinh phí cấp bù HP	Ghi chú
KHÓA 13								
1	Nguyễn Thành Ban	12-2-1998	Học sinh THCS học nghề	250.000	1.250.000	Miễn	1.250.000	
2	Nguyễn Văn Phương	21-8-1999	Học sinh THCS học nghề	250.000	1.250.000	Miễn	1.250.000	
LỚP HAN14B1								
3	Nguyễn Đức Long	12-12-1999	Học sinh THCS học nghề	250.000	1.250.000	Miễn	375.000	
LỚP CDHAN14A1								
4	Trần Phi Duy	8-12-1995	Nghề nặng nhọc, độc hại	290.000	1.450.000	Giảm 70%	1.015.000	
KHÓA 14								
LỚP HAN 15B1								
5	Phạm Duy Hùng	31-5-2000	Học sinh THCS học nghề	250.000	1.250.000	Miễn	375.000	
LỚP CGK15B1								
6	Đoàn Văn Mạnh	6-2-2000	Học sinh THCS học nghề	250.000	1.250.000	Miễn	375.000	
							4.640.000	

Danh sách này gồm: 6 HSSV./.

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH & XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ DUNG QUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỔ SUNG DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ: 1 - Năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-CDQ ngày 20 tháng 6 năm 2017)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức thu học phí/kỳ	Mức miễn, giảm học phí	Kinh phí cấp bù HP	Ghi chú
KHÓA 15								
LỚP LTDCN16A1		25-8-1998	Thân nhân CM	400.000	2.000.000	Miễn	2.000.000	
LỚP LTCNT16A1								
1	Mai Phi Soạn	03-02-1984	Thân nhân CM	400.000	2.000.000	Miễn	425.000	
LỚP CDCBT16A1								
2	Mặc Thị Uyên	28-11-1998	DTTS vùng ĐBKK	315.000	1.575.000	Giảm 70%	1.102.500	
LỚP CDHAN16A1								
3	Quyền Đình Hiếu	9-2-1994	Thân nhân CM	315.000	1.575.000	Miễn	1.575.000	
LỚP DCN16B1								
4	Nguyễn Tấn Thành	3-7-2001	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	1.375.000	
KHÓA 14								
LỚP HAN 15B1								
5	Phạm Duy Hùng	31-5-2000	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	412.500	
LỚP CGK15B1								
6	Đoàn Văn Mạnh	6-2-2000	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	412.500	
KHÓA 13								
7	Nguyễn Thành Bân	12-2-1998	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	1.375.000	
8	Nguyễn Văn Phương	21-8-1999	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	1.375.000	
LỚP HAN14B1								
9	Nguyễn Đức Long	12-12-1999	Học sinh THCS học nghề	275.000	1.375.000	Miễn	412.500	
LỚP CDHAN14A1								
10	Trần Phi Duy	8-12-1995	Nặng nhọc, độc hại	315.000	1.575.000	Giảm 70%	1.102.500	
							11.567.500	

Danh sách này gồm: 10 HSSV./.